

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,  
cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 295/TTr-SNV ngày 23 tháng 9 năm 2015, Báo cáo số 04/BC-SNV ngày 11 tháng 01 năm 2016 của Sở Nội vụ về kết quả buổi làm việc giữa Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2.** Giao Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

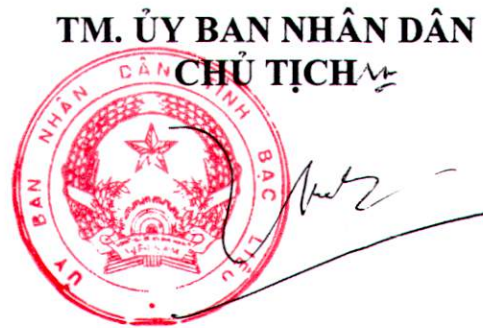
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để biết);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh (giám sát);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học tỉnh (đăng công báo);
- Vụ Địa phương III;
- Lưu VT (TP)



**Dương Thành trung**

www.LuatVietnam.vn

**QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

**Chương II  
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;

c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban; Trưởng, Phó Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu, tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) quản lý Nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý Nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các chương trình, dự án, đề án do các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Trưởng ban và Phó Trưởng Ban Dân tộc**

1. Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

2. Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; báo cáo trước Hội

đồng nhân dân, trả lời ý kiến cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

3. Các Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành và quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế**

1. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Chính sách Dân tộc;

d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;

đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, kỷ luật các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban và tương đương do Trưởng ban quyết định theo tiêu chuẩn chức danh theo quy định của pháp luật và quy trình bổ nhiệm cán bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sau khi có ý kiến hiệp y bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ. Riêng chức danh Chánh Thanh tra phải có hiệp y thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra tỉnh.

3. Biên chế:

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm cụ thể quản lý ngành, lĩnh vực, Trưởng ban trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biên chế hành chính của Ban Dân tộc trong tổng số biên chế hành chính của tỉnh;

- Việc bố trí công chức của Ban Dân tộc phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức nhà nước theo quy định.

### **Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Đối với Ủy ban Dân tộc**

1. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 05 năm và hàng năm do Ủy ban Dân tộc đề ra; giữ mối quan hệ chặt chẽ,

thường xuyên, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Đề xuất, kiến nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn, giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành mang tính chất phức tạp hoặc mới phát sinh mà pháp luật chưa điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

### **Điều 6. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Chấp hành sự chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đồng thời tuân thủ quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo đúng quy định. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp giải quyết trong quá trình xử lý công việc.

### **Điều 7. Đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh**

1. Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp, cộng đồng trách nhiệm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định tại Điều 2 của quy định này và các nhiệm vụ chung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh; nhằm thực hiện tốt công tác dân tộc và chính sách dân tộc trong tỉnh, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Ban Dân tộc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc ở địa phương.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức trực tiếp làm công tác dân tộc ở Phòng Dân tộc.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dân tộc; đồng thời, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

### **Điều 9. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:**

Ban Dân tộc có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chức năng được giao;

Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

## **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Chương II của Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBDT-BNV ngày 22/12/2014 của Ủy ban Dân tộc – Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Trưởng Ban Dân tộc ban hành quy chế làm việc trong nội bộ đơn vị và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Dương Thành Trung**